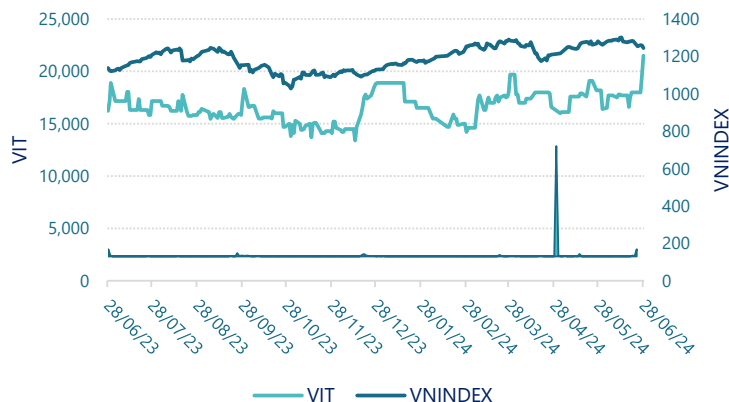




CTCP Viglacera Tiên Sơn (HNX: VIT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

28/06/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	21,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,400
SL cổ phiếu LH	49,999,664
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,520
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,075
P/E	134.7
EPS	160

DT thuần

Q2/24

505

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 126 | 33.3%

YoY: ▼ 21.0 | -3.9%

LN sau thuế

Q2/24

20.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 52.6 | 163%

YoY: ▲ 30.8 | 293%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

8.5%

+/- YoY: ▲ 5.1%

DT thuần

6T 2024

884

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.0 | 1.5%

LN sau thuế

6T 2024

-12.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.90 | 39.6%

ROE

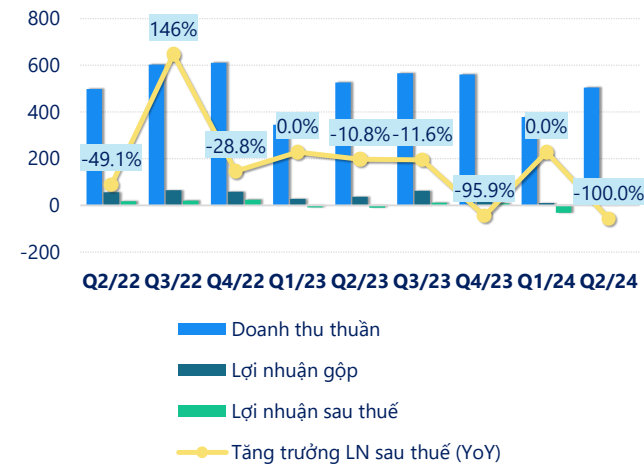
Q2/24

1.4%

+/- YoY: ▼ 2.5%

tỷ VNĐ

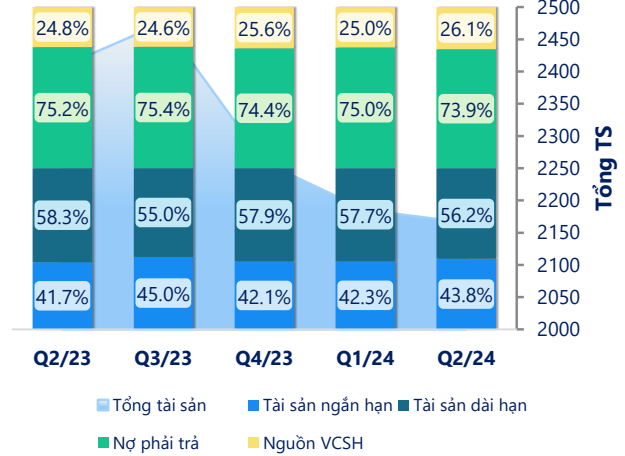
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

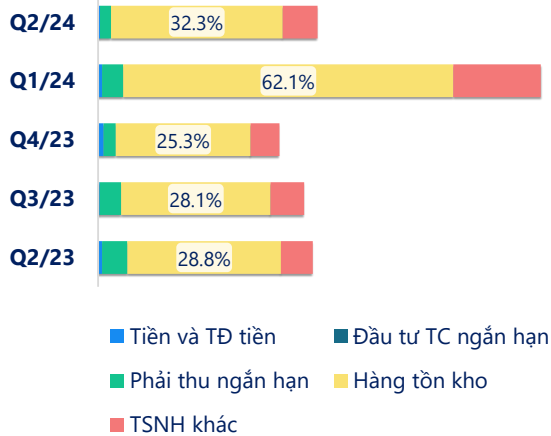
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



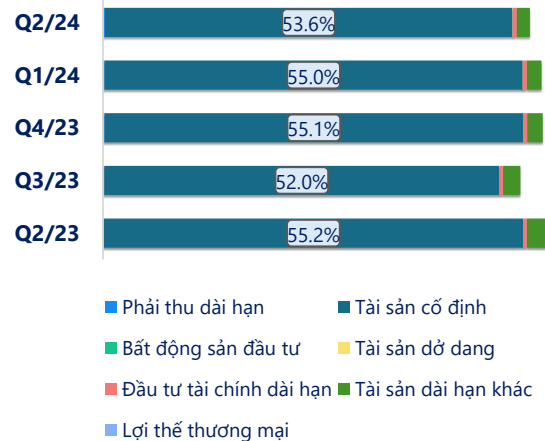
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

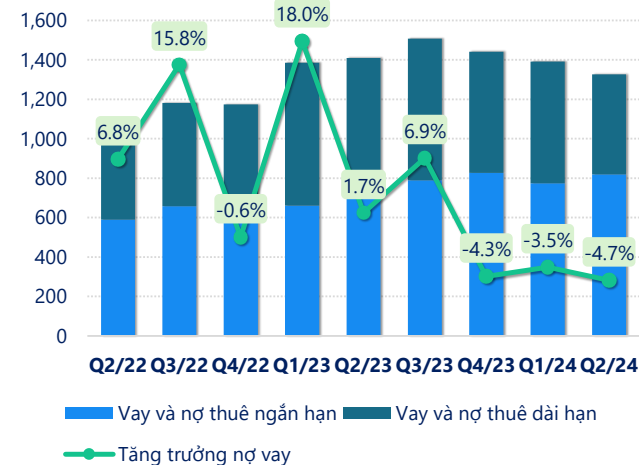
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

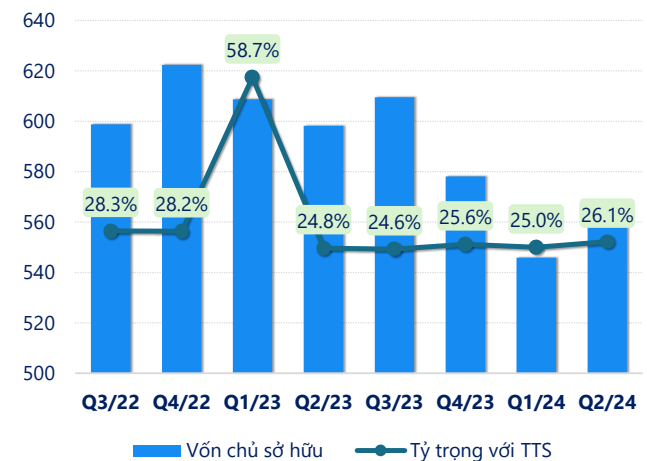
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

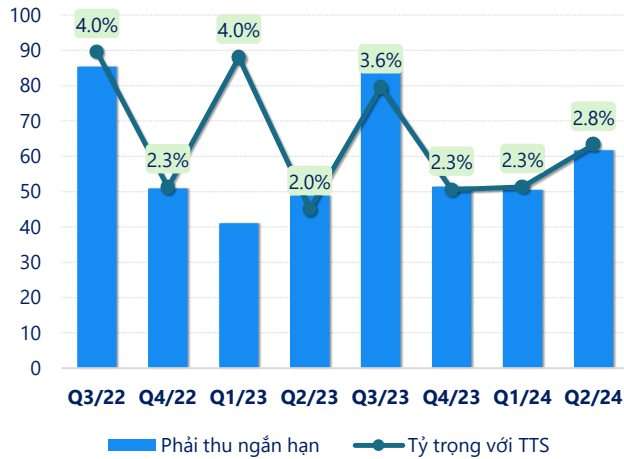
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



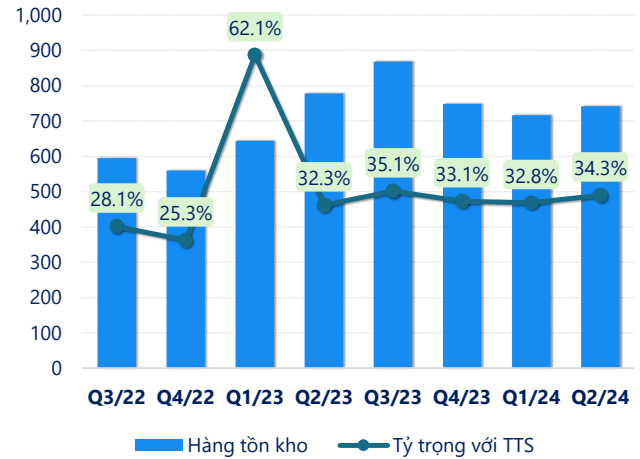
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


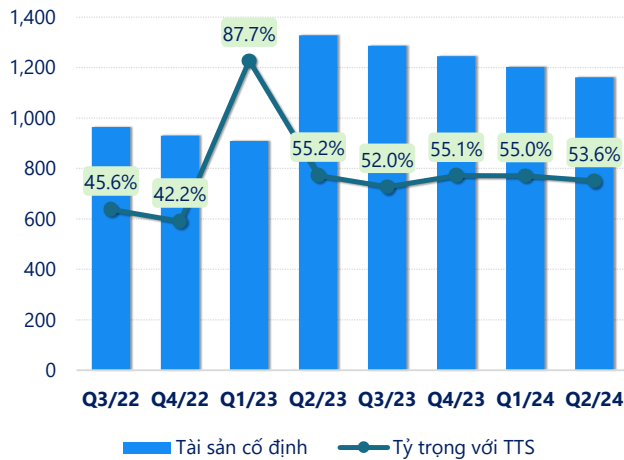
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


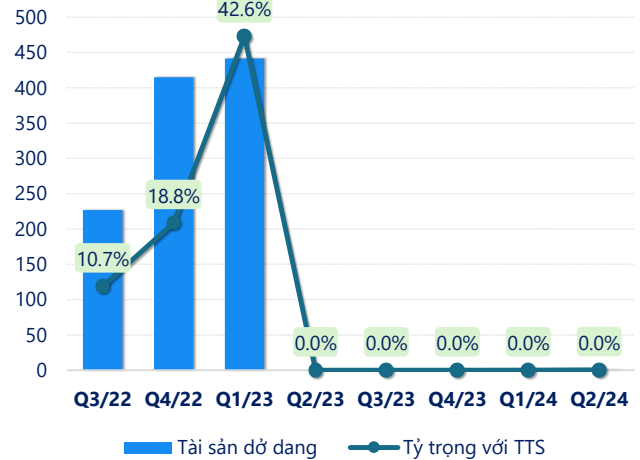
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

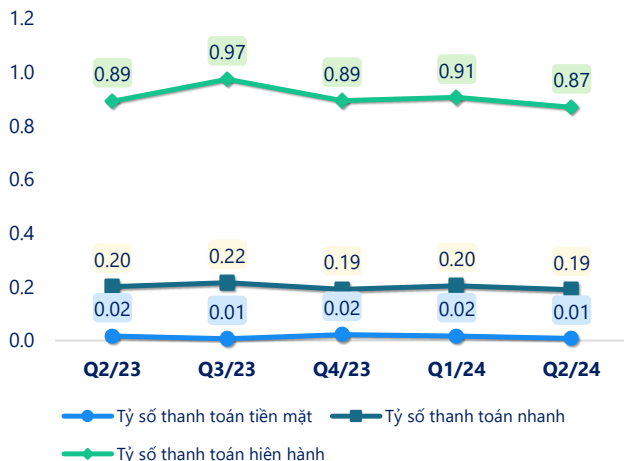
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

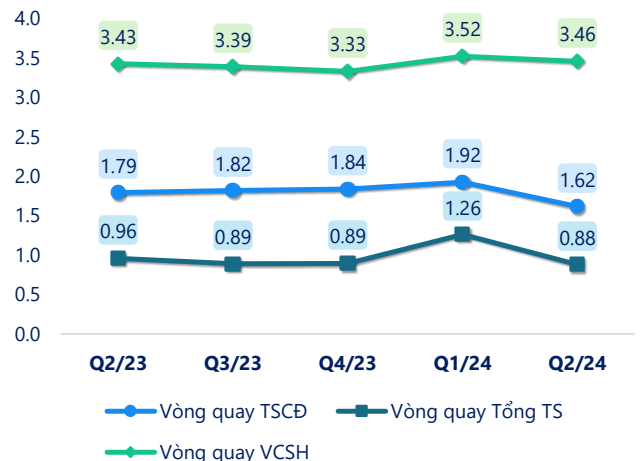
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	2,408	2,476	2,259	2,185	2,165
Tài sản ngắn hạn	1,003	1,115	951	924	948
Tiền và tương đương tiền	18.2	7.49	23.2	16.9	8.37
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	48.9	88.7	51.4	50.5	61.7
Hàng tồn kho	778	868	748	716	742
Tài sản ngắn hạn khác	159	151	129	140	136
Tài sản dài hạn	1,404	1,360	1,308	1,262	1,217
Phải thu dài hạn	2.98	4.68	4.60	4.60	5.68
Tài sản cố định	1,328	1,287	1,245	1,203	1,161
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0.22	0.78
Đầu tư tài chính dài hạn	12.3	12.3	12.2	12.2	12.0
Tài sản dài hạn khác	60.9	56.7	45.9	41.9	37.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,810	1,866	1,681	1,639	1,599
Nợ ngắn hạn	1,125	1,146	1,064	1,020	1,091
Vay và nợ thuê ngắn hạn	726	790	826	774	820
Phải trả người bán ngắn hạn	316	280	195	209	227
Nợ dài hạn	684	721	617	619	508
Vay và nợ thuê dài hạn	683	717	615	618	507
Nguồn vốn chủ sở hữu	598	610	578	546	566
Vốn chủ sở hữu	598	610	578	546	566
Vốn điều lệ	500	500	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)